

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2020
V/v Yêu cầu không công nhận quan
hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Hà Vĩnh.

2. Bà Nguyễn Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thành - Thư ký Tòa án nhân dân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1972.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1975.

Đều có HKTT: Thôn C1, xã TC, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa (*Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2020 và bản tự khai gửi cho Tòa án ngày 15 tháng 5 năm 2020, nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới vào năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị L trình bày là do trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra va chạm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được cả hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, chị và anh H đã không còn chung sống với

nhau từ đầu năm 2004 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo L, sinh ngày 07/12/1994 và cháu Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 19/12/2001. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/5/2020, bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày :

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị L tìm hiểu, đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra va chạm, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành, anh và chị L sống ly thân từ năm 2004 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm giữa anh và chị L không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh chị L là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo L, sinh ngày 07/12/1994 và cháu Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 19/12/2001. Hiện nay các cháu đã thành niên, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xác nhận ngày 20/3/2020, của chị Bùi Thị L đã được UBND xã TC, huyện TT xác nhận: Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn H tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Bùi Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng đối với anh Nguyễn Văn H, trú tại thôn C1, xã TC, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa. Theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn H đều đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã nộp cho Tòa án bản tự khai. Chị L và anh H vắng mặt

có lý do và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị L và anh H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo xác nhận của UBND xã TC, huyện TT, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ quy định tại điểm b, mục 1 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội khóa X về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì chị L, anh H thuộc trường hợp phải đăng ký kết hôn cho đến ngày 01/01/2003, từ sau ngày 01/01/2003 mà không đăng ký kết hôn thì không công nhận là vợ chồng.

Chị L và anh H chung sống với nhau từ năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện kết hôn, đã có con chung; anh chị phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nhưng đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn. Như vậy, chị L và anh H đã vi phạm quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh H.

[3] *Về con chung*: Chị L và anh H có 02 (Hai) con chung tên là Nguyễn Thị Thảo L, sinh ngày 07/12/1994 và Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 19/12/2001. Hiện các con đã trưởng thành, có khả năng lao động và đã có gia đình riêng; chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản*: Chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Bùi Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

Về tài sản: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2018/0002731 ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Chấp nhận chị L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, vắng mặt các đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Minh